

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TÂY NINH
TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1**

Bản án số: 91/2025/DS-ST

Ngày: 20-9-2025

“V/v tranh chấp
hợp đồng vay tài sản”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – TÂY NINH - TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Trịnh Thị Lệ Hoa

2/ Ông Phạm Văn Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Phương Uyên, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 82/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 02 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 108/2025/QĐXXST-DS ngày 19/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số 89/2025/QĐST-DS ngày 05/9/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty cổ phần S;

Địa chỉ: Số A đường N, phường T, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện theo pháp luật ông Kanokwatpaisal N.

Người đại diện theo ủy quyền bà Thạch Thị Lệ T, sinh năm 1993, địa chỉ: Ấp B, xã Đ, tỉnh Đồng Tháp, theo giấy ủy quyền số 94/2024/UQ-SVN ngày 18/03/2024.

2. Bị đơn: Ông Lê Tấn V, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Số F, khu phố V, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Số C tỉnh lộ 827, Khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị K, sinh năm 1980

Địa chỉ: Số F, khu phố V, phường T, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ tạm trú: Số C tỉnh lộ 827, Khu phố A, phường T, tỉnh Tây Ninh.

(Bà T có mặt; ông V, bà K vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/12/2024, các lời khai và biên bản hòa giải tại Tòa án, nguyên đơn Công ty cổ phần S (viết tắt Công ty S Có Ngay) và người đại diện bà Thạch Thị Lệ T trình bày:

Ngày 08/10/2024 ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K có cầm cố tài sản với Chi nhánh T2 – Chi nhánh Công ty S có Ngay theo Hợp đồng cầm cố và Thỏa thuận thuê tài sản ký ngày 08/10/2024, tài sản cầm cố như sau: 01 xe Tải, Nhãn hiệu: AC, Loại: 1025/X150TL, Biển số xe: 62C-216.09. Số khung: RRGLTX5D4JB000041, Số máy: 4A168C43Q171148553D, Giấy chứng nhận đăng ký số: (62) 002605 do Công an tỉnh L cấp ngày 25/09/2024. Số tiền cầm cố: 153,351,064 VNĐ (Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn không trăm sáu mươi ba chẵn tám mươi ba đồng); Thời hạn cầm cố: 36 tháng, Mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 08/10/2024; Lãi suất cầm cố: bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng; Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 1.65% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; P mượn xe đúng hạn là: 2.5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu và trễ hạn là 5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tắt toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán; Chi phí tố tụng: 10% trên dư nợ gốc, lãi, phí quản lý hồ sơ cố định chưa thanh toán.

Do nhu cầu đi lại, phục vụ công việc, ngày 08/10/2024 ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K đã có đơn gửi Chi nhánh T2 - Chợ Gạo 1 xin mượn lại chiếc xe để phục vụ đi lại và cam kết theo theo nội dung Thỏa thuận thuê tài sản, tài sản mượn lại là 01 (một) xe ô tô tải như sau: Thời gian mượn xe: 01 (một) tháng từ ngày 08/10/2024 đến ngày 08/11/2024.

Công ty đã đồng ý cho khách hàng mượn tài sản nêu trên theo nguyện vọng và khách hàng cam kết thực hiện đúng nội dung đã ký cam kết trên hợp đồng và Thỏa thuận thuê tài sản, giấy tờ khác liên quan. Ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K có cam kết rõ ràng trong Thỏa thuận thuê tài sản: “Hoàn trả lại tài sản mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận” theo yêu cầu từ Công ty.

Khi ký kết hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng, bên cầm cố tài sản đồng ý cho Chi nhánh T2 (Trước đây là Chi nhánh T2) có quyền được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố và không hoàn trả hoa lợi, lợi tức đó cho khách hàng khi hợp đồng chấm dứt. “Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015. Khoản

3 Điều 314 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: Bên nhận cầm "Được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố, nếu có thỏa thuận."

Kể từ ngày ký hợp đồng cầm cố Công ty S Có Ngay đã giải ngân cho khách hàng số tiền là 153,351,064 VND (Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn không trăm sáu mươi ba chẵn tám mươi ba đồng) theo đề nghị cầm cố và hợp đồng cầm cố ATT241001014NA 18X ký ngày 08/10/2024, ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K chỉ thanh toán cho Công ty theo hợp đồng số tiền là: 10.00.000 đồng, trong đó: Tiền gốc: 0 đồng; Lãi: 0 đồng, P quản lý hồ sơ cố định: 0 đồng, P mượn xe: 9,759,498.00 đồng. Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 240,502 đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng cầm cố, ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của Công ty.

Tại bảng tự khai ngày 20/9/2025, Công ty S Ngay yêu cầu Tòa án xem xét buộc ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K thanh toán số tiền theo Hợp đồng cầm cố từ đến ngày 20/9/2025 là: 173,219,719 vnd theo hợp đồng bao gồm các khoản sau:

- + Tiền gốc: 153,351,0643 vnd
- + Lãi còn lại trong hạn: 16,534,214 vnd
- + Tiền lãi quá hạn: 3,334,442 vnd

Đối với yêu cầu ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng thuê tài sản ngày 08/11/2024 đến nay 8,280,957.450 x 10 tháng 82,809,574.54 vnd và xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 xe Tải, Nhãn hiệu: AC, Loại: 1025/X150TL, Biển số xe: 62C-216.09. Số khung: RRGLTX5D4JB000041, Số máy: 4A168C43Q171148553D, Giấy chứng nhận đăng ký số: (62) 002605 do Công an tỉnh L cấp ngày 25/09/2024 Công ty Tiền Có Ngay chưa yêu cầu quyết nên rút lại yêu cầu này.

Bị đơn ông Lê Tấn V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K trình bày tại biên bản hòa giải tại Tòa ngày 13/8/2025 như sau:

Bà thừa nhận bà và ông V có cầm cố 01 xe Tải, nhãn hiệu: AC, Loại: 1025/X150TL, biển số xe: 62C-216.09, số khung: RRGLTX5D4JB000041, số máy: 4A168C43Q171148553D, giấy chứng nhận đăng ký số: (62) 002605 do Công an tỉnh L cấp ngày 25/09/2024, số tiền cầm cố: 153,351,064 VNĐ (Một trăm năm mươi ba triệu ba trăm năm mươi một nghìn không trăm sáu mươi ba chẵn tám mươi ba đồng). Thời hạn cầm cố: 36 tháng; Mục đích cầm cố: phục vụ tiêu dùng cá nhân và kinh doanh; Ngày giải ngân: 08/10/2024; Lãi suất cầm cố: bằng 1.1% số tiền cầm cố/tháng; Phí quản lý hồ sơ cố định: bằng 0.5% số tiền cầm cố/tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 1.65% số tiền quá hạn thanh toán/tháng tính từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn; P mượn xe đúng hạn là:

2.5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu và trễ hạn là 5%/tháng/dư nợ gốc ban đầu; Phí phạt vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 8% phần nghĩa vụ bị vi phạm; Phí tất toán hợp đồng trước thời hạn: 7% nợ gốc chưa thanh toán theo hợp đồng cầm cố 08/10/2024.

Nay bà đồng ý thanh toán tiền gốc: 153,351,064 VNĐ; Lãi còn lại trong hạn: 34,080,916.69 VNĐ; **T1** lãi quá hạn: 2,594,540.25 VNĐ tính đến ngày 13/8/2025, tổng cộng là 190,026,520.77 VNĐ.

Đối với thỏa thuận thuê tài sản 08/10/2024, bà thừa nhận sau khi cầm cố có thuê lại xe để sử dụng và hiện nay còn nợ tiền thuê xe là 82,809,574,5 VNĐ.

Tổng số tiền còn nợ **Công ty S** Có Ngay là 272,836,095.23 VNĐ. Bà đồng ý cùng ông **V** hoàn trả nhưng xin trả dần theo phương thức sau:

Từ 13/8/2025 đến 13/12/2025 thanh toán mỗi tháng 3.000.000đ vào ngày 13 hàng tháng, bắt đầu thanh toán là ngày 13/9/2025.

Từ 14/12/2025 thanh toán mỗi tháng 10.000.000đ vào ngày 13 hàng tháng, bắt đầu thanh toán là ngày 13/01/2026 cho đến khi hết số nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa, thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền:

Công ty S Có Ngay có đơn khởi kiện yêu cầu ông **Lê Tấn V** thanh toán số tiền nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng cầm cố đã ký kết, làm phát sinh vụ án tranh chấp về dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án nhân dân Khu vực – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Về quan hệ tranh chấp:

Mặt dầu tiêu đề của Hợp đồng mà các bên đương sự giao kết là “Hợp đồng cầm cố” nhưng nội dung thể hiện việc các bên giao nhận số tiền vốn vay

153.351.064đ và thỏa thuận về thời gian hoàn trả vốn, lãi suất nên có cơ sở xác định hợp đồng này là Hợp đồng dân sự vay tài sản có biện pháp bảo đảm.

[1.3] Về xét xử vắng mặt của các đương sự:

Đối với đại diện nguyên đơn bà **Thạch Thị Lệ T** có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Đối với bị đơn ông **Lê Tấn V** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị K** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, việc Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đối với họ là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Tiền Có Ngay yêu cầu Tòa án buộc bị đơn ông **Lê Tấn V** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị K** trả cho **Công ty S** Có Ngay số tiền gốc còn lại là 153,351,064 vnd. Hội đồng xét xử xét thấy:

Công ty S Có Ngay để chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng cầm cố và phiếu đăng ký cầm cố số ATT241001014NA18X ngày 08/10/2024. Nội dung hợp đồng thể hiện:

“Khách hàng đồng ý giao tài sản cầm cố cho SVN quản lý, sử dụng, định đoạt để đảm bảo cho khoản cầm cố tại Điều 2 của Hợp đồng và đồng ý với kết quả định giá tài sản dưới đây:

1. Tài sản là xe tải biển kiểm soát 62C-216.09

*- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số (62) 002605 - cấp ngày 25/9/2024 – Tại **Công an tỉnh L***

- Giấy chứng nhận kiểm định số EB-0680979 – cấp ngày: 01/4/2024 – Tại Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới 6201S

2. Giá trị tài sản cầm cố 199,356,382.98

3. Khách hàng giao toàn bộ bản chính giấy tờ về quyền sở hữu tài sản và giấy tờ liên quan khác cho SVN giữ gồm:

*- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số (62) 002605 - cấp ngày 25/9/2024 – Tại **Công an tỉnh L***

Đồng thời, tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2025 người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị K** thừa nhận bà **K** và ông **V** có ký tên hợp đồng cầm cố ngày 08/10/2024 để nhận số tiền 153,351,064 vnd và đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng. Sự thừa nhận này của bà **K** phù hợp với lời trình bày của bà **T** đại diện nguyên đơn về số tiền được nêu trong Hợp đồng cầm cố. Đây là sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Do đó có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Công ty S Có Ngay, buộc bị đơn ông Lê Tấn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K phải thanh toán số tiền vốn vay 153,351,064 vnd cho Công ty S Có Ngay.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi của nguyên đơn.

Xét thấy, việc bị đơn ông Lê Tấn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K ký hợp đồng cầm cố với nguyên đơn Công ty Tiền Có Ngay để cầm cố số tiền 153,351,064 vnd, các bên có thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1,1%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cầm cố trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, nhưng bị đơn ông Lê Tấn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K không thanh toán tiền lãi cho Công ty S Có Ngay như đã thỏa thuận. Do đó buộc bị đơn ông Lê Tấn V và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị K phải thanh toán tiền lãi trong hạn 16,534,214 vnd, lãi quá hạn 3,334,442 vnd, tổng số tiền lãi 19,868,656 vnd cho nguyên đơn Công ty Tiền có Ngay là phù hợp.

Ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cầm cố cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

[2.3] Về thời gian thanh toán.

Tại biên bản hòa giải ngày 13/8/2025, bà Võ Thị K xin trả dần hàng tháng nhưng đại diện nguyên đơn không chấp nhận. Để đảm bảo quyền lợi cho Công ty S Có Ngay cần buộc ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K thanh toán số tiền nợ gốc 153,351,064 vnd và tiền lãi 19,868,656 vnd, tổng cộng 173,219,720 vnd cho Công ty S Có Ngay ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Công ty S Có Ngay rút lại yêu cầu ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng thuê tài sản ngày 08/11/2024 đến nay 8,280,957.450 x 10 tháng 82,809,574.54 vnd và xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 xe Tải, Nhân hiệu: AC, Loại: 1025/X150TL, Biển số xe: 62C-216.09. Số khung: RRGLTX5D4JB000041, Số máy: 4A168C43Q171148553D, Giấy chứng nhận đăng ký số: (62) 002605 do Công an tỉnh L cấp ngày 25/09/2024 Công ty Tiền Có Ngay. Xét thấy, Công ty S Có Ngay rút lại yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này. Công ty S Có Ngay có quyền khởi kiện lại khi có yêu cầu.

[3] Về án phí:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Ông Lê Tấn V và bà Võ Thị K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do phải trả tiền là 8.660.985đ.

Công ty S Có Ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.251.197đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001338 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành

án dân sự thành phố Tân An nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Tây Ninh.

[4] Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Tây Ninh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và nội dung vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 217, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 309, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty cổ phần S** Có Ngay:

Buộc bị đơn ông **Lê Tấn V** và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà **Võ Thị K** phải trả cho nguyên đơn **Công ty cổ phần S** Có Ngay tổng số tiền là 173,219,720 vnd, trong đó: nợ gốc: 153,351,064 vnd, nợ lãi 19,868,656 vnd, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn **Công ty cổ phần S** Có Ngay về việc yêu cầu ông **Lê Tấn V** và bà **Võ Thị K** thanh toán tiền thuê xe theo hợp đồng thuê tài sản ngày 08/11/2024 đến nay 8,280,957.450 x 10 tháng 82,809,574.54 vnd và xử lý đối với tài sản cầm cố là 01 xe Tải, Nhãn hiệu: AC, Loại: 1025/X150TL, Biển số xe: 62C-216.09. Số khung: RRGLTX5D4JB000041, Số máy: 4A168C43Q171148553D, Giấy chứng nhận đăng ký số: (62) 002605 do **Công an tỉnh L** cấp ngày 25/09/2024. **Công ty S** Có Ngay có quyền khởi kiện lại theo quy định pháp luật.

3. Về án phí:

Ông **Lê Tấn V** và bà **Võ Thị K** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.660.985đ.

Công ty S Có Ngay được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 5.251.197đ theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001338 ngày 13/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tân An nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Tây Ninh.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án:

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo

mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng cho vay, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

5. Về thời hiệu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Hải-Trịnh Thị Lệ Hoa

Đoàn Thị Thu Thảo

